

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 23/9/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Tuấn Anh

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Hà Thanh Phong và ông Trần Gia Phương

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 9 năm 2024 và 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Chu Thị Thu H**, sinh năm 1963 (có mặt)

**Bị đơn:** Chị **Hà Thị Hiền V**, sinh năm 1982 (có mặt)

**Cùng địa chỉ:** **Khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1, Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà **Chu Thị Thu H** trình bày:

Do có mối quan hệ hàng xóm nên tôi đã cho chị **V** vay tiền nhiều lần, lãi suất thỏa thuận bằng miệng nhưng các lần trước đã thanh toán xong. Các lần vay sau này chị **V** không trả nên tôi khởi kiện. Cụ thể tôi đã cho chị **V** vay tổng cộng 04 lần: Lần 1 ngày 28/7/2017 âm lịch (tức ngày 18/9/2017 dương lịch) vay 85.000.000 đồng; Lần 2 ngày 11/8/2017 âm lịch (tức ngày 30/9/2017 dương lịch) vay 45.000.000 đồng; Lần 3 ngày 18/9/2017 âm lịch (tức ngày 06/11/2017 dương lịch) vay 30.000.000 đồng; Lần 4 ngày 14/11/2017 âm lịch (tức ngày 31/12/2017 dương lịch) vay 80.000.000 đồng; Tổng cộng là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất phát sinh, hàng tháng chị **V** đã trả cho tôi qua tài khoản, tôi đã nhận tiền lãi chị **V** trả thông qua chuyển khoản tại Ngân hàng nhiều lần tổng số tiền là 94.400.000 đồng và tiền gốc chị **V** đã trả 2 lần cho tôi vào ngày 10/10/2022 là 50.000.000 đồng và ngày 21/6/2023 là 10.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000

đồng. Nay tôi yêu cầu chị **V** trả cho tôi tiền gốc là 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Lãi suất tôi yêu cầu chị **V** phải trả cho tôi là khoảng 10%/năm, từ các lần vay đến hôm nay (23/9/2024) trừ tiền lãi tôi đã nhận 94.400.000 đồng. Chị **V** phải tiếp tục trả lãi cho tôi là 10%/năm cho đến khi trả nợ xong toàn bộ số tiền gốc cho tôi.

2, Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị **Hà Thị Hiền V** trình bày: Tôi nhất trí phần trình bày của bà **H**, tôi với bà **H** chỉ là hàng xóm, bà **H** với tôi không có mối quan hệ lệ thuộc hay mang ơn nghĩa gì. Bà **H** kiện tôi vay tiền 4 lần với tổng số tiền gốc là 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) như bà **H** nêu trên là đúng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, cũng không thỏa thuận trả dần tiền gốc. Hàng tháng tôi đã trả tiền gốc cho bà **H** vào tài khoản đến ngày 03/4/2024 là 94.400.000 đồng, ngày 20/10/2022 tôi trả bằng tiền mặt khoản tiền gốc cho bà **H** số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 21/6/2023 tôi trả thêm được 10.000.000 đồng tiền gốc. Tổng cộng tôi đã trả được 154.400.000 đồng. Nay tôi chỉ còn nợ bà **H** số tiền 85.600.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin tiền lãi. Mỗi tháng tôi xin trả cho bà **H** số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

3, Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 146, 166, 357, 468 của Bộ luật dân sự. Xử: Buộc chị **Hà Thị Hiền V** trả nợ cho bà **Chu Thị Thu H** số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi là 10%/năm (1 năm = 365 ngày), tương ứng với 0,0274%/ngày tính từ các lần vay tiền đến ngày 23/9/2024 là 153.958.000 đồng – 94.400.000 đồng (đã trả bằng chuyển khoản), tiền lãi còn lại 59.558.000 đồng. Cộng tiền gốc và lãi đến ngày xét xử là 239.558.000 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 24/9/2024 được thực hiện theo quy định pháp luật.

Buộc chị **Hà Thị Hiền V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Chu Thị Thu H** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị **Hà Thị Hiền V** có địa chỉ **khu A, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ** trả nợ theo các giấy vay tiền, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về nội dung của 4 giấy vay tiền thể hiện chị **V** vay bà **H** số tiền cụ thể theo từng lần vay tiền không thỏa thuận thời hạn vay, trả và lãi suất, chữ viết chị **V** ghi “*khi nào cô **H** cần tôi sẽ trả lại*”. Giữa bà **H** và chị **V** chỉ là quan hệ hàng xóm quen biết không có quan hệ lệ thuộc mang ơn trả nghĩa để xác định cho vay không lấy tiền lãi. Do vậy cần xác định bà **H** cho chị **V** vay có lãi suất thỏa thuận bằng

miệng, hàng tháng chị V trả tiền cho bà H qua sao kê tài khoản tại các Ngân hàng TMCP H1 (M) - Phòng G và Ngân hàng N - Phòng G1 có nội dung ghi “ch?u V?n chuy?n”, qua xác minh tại Ngân hàng thì được hiểu là cháu V chuyển, do chị V khi chuyển tiền nhắn tin ký tự có dấu nên bị lỗi phong chữ, ngoài ra các chứng từ giao dịch không có bất kỳ nội dung chuyển tiền gốc hay tiền lãi. Từ những căn cứ lập luận trên thì xác định chị V đã chuyển trả tiền lãi cho bà H hàng tháng nên không có việc đối trừ tiền gốc đã trả và tiền gốc còn lại của giao dịch cho vay giữa các bên.

[3] Đối với chứng cứ trả tiền của chị V ngày 10/10/2022 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 21/6/2023 số tiền 10.000.000 đồng, trong giấy biên nhận ghi chữ viết của bà H thể hiện ghi “cháu Luyện V1 có trả cho tôi là...”, phần người ký nhận chỉ có chữ ký của chị V1 và bà H mà không có chữ ký của anh L, quá trình giải quyết vụ án các bên không yêu cầu gì với anh L, vì thế Tòa án không đưa anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay bà H xác định đã nhận số tiền đó và đồng ý trừ vào số tiền gốc đã vay của chị V1. Do vậy cần chấp nhận chị V1 đã trả 2 khoản tiền trên là tiền gốc cho bà H. Số tiền gốc chị V1 còn nợ bà H là 180.000.000 đồng.

[4] Bà H cho chị V1 vay tiền đến thời điểm 31/12/2017 số tiền 240.000.000 đồng, chị V1 chuyển trả tiền lãi hàng tháng theo bảng kê lịch sử trả nợ cho bà Hiền từ 21/5/2021 đến 13/10/2021 mỗi tháng 2.000.000 đồng, tương ứng với 0,83%/tháng. Cũng số tiền gốc 240.000.000 đồng chị V1 chuyển trả tiền lãi hàng tháng theo bảng kê lịch sử trả nợ cho bà Hiền từ 10/11/2021 đến 12/9/2022 mỗi tháng 2.500.000 đồng, tương ứng với 1,04%/tháng (tương đương 12,48%/năm). Sau khi chị V1 trả 50.000.000 đồng tiền gốc ngày 10/10/2022, số tiền gốc còn lại là 190.000.000 đồng, chị V1 vẫn tiếp tục trả lãi từ 12/10/2022 đến 09/6/2023 mỗi tháng 2.500.000 đồng, tương ứng với 1,32%/tháng (tương đương 15,84%/năm). Ngày 21/6/2023 chị V1 trả thêm 10.000.000 tiền gốc, số tiền gốc còn lại là 180.000.000 đồng, chị V1 vẫn tiếp tục trả lãi từ 12/10/2022 đến 09/6/2023 mỗi tháng 2.500.000 đồng, tương ứng với 1,39%/tháng (tương đương 16,68%/năm). Nếu bên cho vay là bà H và bên vay là chị V1 không tranh chấp trả lãi suất thì Hội đồng xét xử không xem xét vì lãi suất thỏa thuận ở trên phù hợp pháp luật.

[5] Vì các bên có tranh chấp lãi suất nên Hội đồng xét xử phải xác định lại lãi suất theo quy định pháp luật để giải quyết trong vụ án là 10%/năm : 365 ngày = 0,0274%/ngày (thời hạn 1 năm được tính là 365 ngày quy định tại điểm a khoản 1 Điều 146 Bộ luật dân sự), đồng thời xác định số ngày vay của từng khoản vay tiền, có như vậy mới chính xác, đảm bảo quyền lợi cho các bên. Cụ thể đối với khoản vay:

Ngày 18/9/2017 đến ngày 29/9/2017 là 12 ngày x 85.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 279.480 đồng.

Ngày 30/9/2017 đến ngày 05/11/2017 là 36 ngày x 130.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 1.282.320 đồng.

Ngày 06/11/2017 đến ngày 30/12/2017 là 54 ngày x 160.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 2.367.360 đồng.

Ngày 31/12/2017 đến ngày 10/10/2022 là 1740 ngày x 240.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 114.422.400 đồng.

Cộng tiền lãi (1) là 118.351.560 đồng.

+ Ngày 10/10/2022 chị **V1** trả 50.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 190.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi là:

Ngày 10/10/2022 đến ngày 20/6/2023 là 251 ngày x 190.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 13.067.060 đồng.

+ Ngày 21/6/2023 chị **V1** trả 10.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 180.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi là:

Ngày 21/6/2023 đến ngày 23/9/2024 là 457 ngày x 180.000.000đ (tiền gốc) x 0,0274% = 22.539.240 đồng.

Cộng tiền lãi (2) là 35.606.300 đồng.

Tổng cộng tiền lãi (1) + (2) là 153.957.860 đồng, làm tròn 153.958.000 đồng.

[6] Các bên thống nhất thỏa thuận chị **V1** đã trả qua tài khoản của bà **H** tổng số tiền từ ngày 05/12/2017 đến ngày 03/4/2024 là 94.400.000 đồng. Do vậy nay chị **V1** phải trả tiền lãi còn thiếu cho bà **H** đến ngày 23/9/2024 là 153.958.000 đồng - 94.400.000 đồng = 59.558.000 đồng và tiền gốc là 180.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 239.558.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 146, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Chu Thị Thu H** đối với chị **Hà Thị Hiền V**.

Buộc chị **Hà Thị Hiền V** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Chu Thị Thu H** số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 23/9/2024 là 59.558.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 239.558.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Khi bản án này có hiệu lực pháp luật, bà **Chu Thị Thu H** có đơn yêu cầu, nếu chị **Hà Thị Hiền V** chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày 24/9/2024 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị **Hà Thị Hiền V** phải chịu 11.978.000đ (Mười một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Bà **Chu Thị Thu H** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số

283/TB-TA ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện L vì thuộc đối tượng là người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tuấn Anh**